

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 197 /QĐ-UEF

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Công nghệ thông tin

### HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐH Kinh tế - Tài chính Tp.HCM;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chương trình giáo dục ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học, áp dụng cho K2015 Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí, Trường các đơn vị chức năng trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.HCM chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

#### Nơi nhận:

- Công bố trên trang Thông tin điện tử;
- Như điều 2 (đề t/h);
- Lưu: P.TC-HC, P.ĐT-KT.



Nguyễn Thanh Giang

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ - UEF ngày 26/6/2015  
của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM)

Tên chương trình: *Chương trình Cử nhân*

Trình độ đào tạo: *Đại học*

Ngành đào tạo: *Công nghệ thông tin*

### I. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo cử nhân công nghệ thông tin (CNTT) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và CNTT, có kiến thức chuyên sâu về CNTT, có năng lực tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng CNTT trong hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội.
- Cử nhân CNTT với vốn kiến thức lý thuyết rộng, cơ bản và có định hướng, với khả năng thực hành tốt, có khả năng thích nghi với nền kinh tế thị trường đa dạng, luôn biến động, có thể hội nhập được vào nền công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, có một trình độ vững chắc để có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

### II. Chuẩn đầu ra

#### 1. Kiến thức

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về toán học (giải tích, đại số tuyến tính, toán rời rạc, xác suất thống kê) để đáp ứng được việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- Hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở ngành về lập trình, phân tích & thiết kế dữ liệu và mạng máy tính để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, dễ dàng tiếp cận các công nghệ mới.
- Nắm vững kiến thức chuyên ngành và có khả năng vận dụng giải quyết vấn đề trong thực tế để đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong lĩnh vực CNTT, đặc biệt các công nghệ lập trình mới.

#### 2. Kỹ năng

- Thành thạo các ngôn ngữ lập trình thông dụng.
- Đề xuất, phản biện và tư vấn các vấn đề thuộc lĩnh vực CNTT.

- Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, ... Sử dụng thành thạo các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng (chuyên ngành Hệ thống thông tin).
- Tổ chức, triển khai và quản lý các dự án phần mềm tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm và các công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác. Áp dụng một cách chuyên nghiệp và hiệu quả các quy trình xây dựng phần mềm (chuyên ngành Công nghệ phần mềm).
- Thiết kế và tổ chức các mạng máy tính, quản trị và bảo mật hệ thống mạng và các dịch vụ mạng trong các tổ chức, doanh nghiệp (chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông).
- Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống an toàn thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, ... Đồng thời xây dựng các chính sách bảo mật theo tiêu chuẩn ISO (chuyên ngành an toàn thông tin).
- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn thuộc chuyên ngành được đào tạo.
- Ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra chung của nhà trường

### **3. Thái độ**

- Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Chấp hành đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức
- Quan hệ tốt với cộng đồng, có đạo đức nghề nghiệp.
- Tinh thần làm việc hợp tác.
- Tích cực tham gia, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.
- Cầu tiến, thiện ý học hỏi.

### **4. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận**

- Các công ty phần mềm: phát triển phần mềm, gia công phần mềm, thiết kế website.
- Các công ty tư vấn về các giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.
- Các công ty phân phối và bảo trì các thiết bị máy tính.
- Bộ phận vận hành và phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng, các doanh nghiệp có ứng dụng CNTT.
- Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT.
- Người học có thể tự tạo việc làm theo nhu cầu và năng lực của bản thân.

### **5. Chuẩn đầu ra tiếng Anh:**

Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên cần trình Chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Anh tương đương B1-UEF (theo khung Châu Âu) hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5.

## **III. Thời gian đào tạo:**

Thời gian đào tạo trung bình là 4 năm.

Thời gian đào tạo tối đa được thực hiện theo quy chế đào tạo.

#### IV. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khoá là **124 tín chỉ** (chưa bao gồm Tiếng Anh, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

#### V. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### VI. Chương trình đào tạo:

| STT                   | Mã MH   | Tên học phần                                                     | Số tín chỉ |    |       |       | Mã môn học trước |
|-----------------------|---------|------------------------------------------------------------------|------------|----|-------|-------|------------------|
|                       |         |                                                                  | Tổng       | LT | TH/TT | ĐA MH |                  |
| I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG |         |                                                                  |            |    |       |       |                  |
| I.1. Khoa học         |         |                                                                  | 15         |    |       |       |                  |
| I.1.01                | MAT1102 | Giải tích                                                        | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.02                | MAT1101 | Đại số tuyến tính                                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.03                | STA1101 | Xác suất thống kê                                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.04                | MGT1101 | Quản trị học                                                     | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.05                | PHI1101 | Logic học                                                        | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2. Ngoại ngữ        |         |                                                                  | 24         |    |       |       |                  |
| I.2.01                | ENG1101 | Tiếng Anh 1                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.02                | ENG1102 | Tiếng Anh 2                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.03                | ENG1103 | Tiếng Anh 3                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.04                | ENG1104 | Tiếng Anh 4                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.05                | ENG1105 | Tiếng Anh 5                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.06                | ENG1106 | Tiếng Anh 6                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.07                | ENG1107 | Tiếng Anh 7                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.2.08                | ENG1108 | Tiếng Anh 8                                                      | 3          |    |       |       |                  |
| I.3. Tin học          |         |                                                                  | 3          |    |       |       |                  |
| I.3.01                | ITE1201 | Tin học đại cương                                                | 3          | 2  | 1     |       |                  |
| I.4. Luật             |         |                                                                  | 3          |    |       |       |                  |
| I.4.01                | LAW1101 | Pháp luật đại cương                                              | 3          |    |       |       |                  |
| I.5. Chính trị        |         |                                                                  | 10         |    |       |       |                  |
| I.5.01                | POL1101 | Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 1                            | 2          | 2  |       |       |                  |
| I.5.02                | POL1102 | Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 2                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.5.03                | POL1103 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.5.04                | POL1104 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                             | 2          | 2  |       |       |                  |
| I.6. Kỹ năng          |         |                                                                  | 9          |    |       |       |                  |
| I.6.01                | SKI1101 | Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm                 | 3          |    |       |       |                  |
| I.6.02                | SKI1102 | Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian | 3          |    |       |       |                  |

|                           |                                            |                                          |    |   |   |   |         |
|---------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|----|---|---|---|---------|
| I.6.03                    | SKI1103                                    | Khởi nghiệp                              | 3  |   |   |   |         |
|                           | TỔNG KHỐI GDĐC                             |                                          | 64 |   |   |   |         |
| II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH |                                            |                                          |    |   |   |   |         |
| II.1. Kiến thức bắt buộc  |                                            |                                          | 72 |   |   |   |         |
| II.1.01                   | MAT1104                                    | Toán rời rạc                             | 3  | 3 |   |   |         |
| II.1.02                   | ITE1102                                    | Nhập môn CNTT                            | 3  | 3 |   |   |         |
| II.1.03                   | ITE1203                                    | Nhập môn lập trình                       | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.04                   | ITE1205                                    | Kỹ thuật lập trình                       | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.05                   | ITE1206                                    | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật           | 3  | 2 | 1 |   | ITE1205 |
| II.1.06                   | ITE1207                                    | Cơ sở dữ liệu                            | 3  | 2 | 1 |   | ITE1205 |
| II.1.07                   | ITE1208                                    | Lập trình hướng đối tượng                | 3  | 2 | 1 |   | ITE1205 |
| II.1.08                   | ITE1218                                    | Trí tuệ nhân tạo                         | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.09                   | ITE1211                                    | Đồ họa máy tính                          | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.10                   | ITE1209                                    | Lý thuyết đồ thị                         | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.11                   | ITE1210                                    | Mạng máy tính                            | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.12                   | ITE1115                                    | Hệ điều hành                             | 3  | 3 |   |   |         |
| II.1.13                   | ITE1216                                    | Lập trình trên Windows                   | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.14                   | ITE1125                                    | Công nghệ phần mềm                       | 3  | 3 |   |   |         |
| II.1.15                   | ITE1214                                    | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.16                   | ITE1213                                    | Thiết kế web                             | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.17                   | ITE1217                                    | Lập trình web                            | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.18                   | ITE1219                                    | Công nghệ Java                           | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.19                   | ITE1220                                    | Công nghệ .NET                           | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.20                   | ITE1221                                    | Lập trình trên thiết bị di động          | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.1.21                   | ITE1345                                    | Thực tập tốt nghiệp                      | 6  |   | 6 |   |         |
| II.1.22                   |                                            | Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:      | 6  |   |   | 6 |         |
| II.1.22.01                | ITE1446                                    | Chuyên đề tốt nghiệp                     |    |   |   |   |         |
| II.1.22.02                | ITE1447                                    | Khóa luận tốt nghiệp                     |    |   |   |   |         |
| II.2.Kiến thức tự chọn    |                                            |                                          | 12 |   |   |   |         |
|                           | Sinh viên chọn một trong các nhóm dưới đây |                                          |    |   |   |   |         |
| II.2.1                    |                                            | Nhóm 1: Công nghệ phần mềm               |    |   |   |   |         |
| II.2.1.01                 | ITE1133                                    | Công nghệ phần mềm nâng cao              | 3  | 3 |   |   | ITE1125 |
| II.2.1.02                 | ITE1140                                    | Quản trị dự án phần mềm                  | 3  | 3 |   |   |         |
| II.2.1.03                 | ITE1231                                    | Kiểm chứng chất lượng phần mềm           | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.1.04                 | ITE1230                                    | Khai phá dữ liệu                         | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.2                    |                                            | Nhóm 2: Hệ thống thông tin               |    |   |   |   |         |
| II.2.2.01                 | ITE1224                                    | Cơ sở dữ liệu nâng cao                   | 3  | 2 | 1 |   | ITE1207 |
| II.2.2.02                 | ITE1226                                    | Cơ sở dữ liệu phân tán                   | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.2.03                 | ITE1129                                    | Hệ thống thông tin quản lý               | 3  | 3 |   |   |         |
| II.2.2.04                 | ITE1237                                    | Oracle                                   | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.3                    |                                            | Nhóm 3: Mạng máy tính và truyền thông    |    |   |   |   |         |
| II.2.3.01                 | ITE1235                                    | Mạng máy tính nâng cao                   | 3  | 2 | 1 |   | ITE1210 |
| II.2.3.02                 | ITE1242                                    | Tổ chức và quản lý các dịch vụ mạng      | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.3.03                 | ITE1238                                    | Phân tích đánh giá mạng                  | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.3.04                 | ITE1228                                    | Hệ điều hành mạng                        | 3  | 2 | 1 |   |         |
| II.2.4                    |                                            | Nhóm 4: An toàn thông tin                |    |   |   |   |         |
| II.2.4.01                 | ITE1236                                    | Nhập môn mã và mật mã                    | 3  | 2 | 1 |   |         |

|           |                                      |                                                                |           |   |   |  |  |
|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|---|---|--|--|
| II.2.4.02 | ITE1223                              | An toàn hệ thống mạng máy tính                                 | 3         | 2 | 1 |  |  |
| II.2.4.03 | ITE1239                              | Phân tích và đánh giá an toàn thông tin                        | 3         | 2 | 1 |  |  |
| II.2.4.04 | ITE1243                              | Xây dựng chuẩn chính sách an toàn thông tin trong doanh nghiệp | 3         | 2 | 1 |  |  |
|           | <b>TỔNG KHỐI GDCN</b>                |                                                                | <b>84</b> |   |   |  |  |
|           | <b>III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b> |                                                                | <b>13</b> |   |   |  |  |
| III.01    |                                      | Giáo dục thể chất                                              | 5         |   | 5 |  |  |
| III.02    |                                      | Giáo dục quốc phòng                                            | 8         | 5 | 3 |  |  |

**HIỆU TRƯỞNG** *Uien*



**TS. Nguyễn Thanh Giang**